

Số/No.: 22.../2026/TB-VFCVND-TGD

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2026

Hanoi, 14 January 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/ To :
- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước/ The State Securities Commission
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Stock Exchange
- Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam/ Viet Nam Securities Depository And Clearing Corporation
- Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ Authorized Participants and Investors

- Tên CTQLQ/ Fund Management Company: Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát/ Vietnam Fortune Fund Management Joint Stock Company

- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hà Thành/ Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam – Ha Thanh Branch

- Tên Quỹ ETF/ ETF name : Quỹ ETF VFCVN DIAMOND/ VFCVN DIAMOND ETF

- Mã chứng khoán/ Securities code: FUETPVND

- Địa chỉ/ Address : Tầng 11, tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, P. Văn Miếu-Quốc Tử Giám, Hà Nội/ 11F, Doji Tower, No. 5 Le Duan, Van Mieu-Quoc Tu Giam Ward, Ha Noi

Chúng tôi thông báo danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ We announce the components of the basket to exchange for one lot of ETF as follow:

- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date:

13/01/2026

- Đơn vị tính/Unit: 1 lô ETF tương đương 100,000 chứng chỉ quỹ ETF/ 1 lot of ETF = 100,000 ETF certificates

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/ Components and weighting:

STT/Order	Mã chứng khoán/Securities Code	Số lượng (CP)/ Giá trị (VND) Volume/Amount	Tỷ lệ % trong danh mục/ Weight (%)
I. Chứng khoán/Stock		1,198,280,000	99.65%
1	ACB	3,200	6.79%
2	BMP	100	1.45%
3	CTD	200	1.25%
4	CTG	700	2.42%
5	FPT	2,000	16.55%
6	GMD	1,100	5.76%
7	HDB	1,900	4.46%
8	KDH	1,400	3.40%
9	MBB	2,900	6.80%
10	MSB	1,600	1.72%
11	MWG	2,100	15.28%
12	NLG	1,100	2.74%
13	OCB	500	0.51%
14	PNJ	1,100	9.44%
15	REE	700	3.58%
16	TCB	2,900	9.16%
17	TPB	1,200	1.82%
18	VPB	2,600	6.53%
II. Tiền/Cash		4,220,331	0.35%
III. Tổng/Total (=I+II)		1,202,500,331	100%

Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Spread between a basket and 1 lot of ETF in value:

- Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ Basket value:

1,198,280,000 VND

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per lot of ETF:

1,202,500,331 VND

- Giá trị chênh lệch/ Spread in value:

4,220,331 VND

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the spread

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ With subscription order : Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer cash component

+ Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền (nếu có) / In case stock can be replaced by cash:

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu phát sinh sự kiện doanh nghiệp (nếu có)/ *State if component securities shall have corporate action (if any):*

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có)/ *Other information (if any):*

Chỉ tiêu/ Criteria	Kỳ này/ This period 13/01/2026(*)	Kỳ trước/ Last period 12/01/2026(**)	Chênh lệch/ Changes
1. Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued			-
2. Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed			-
3. Tổng số lượng CCQ đã đăng ký niêm yết/ Issued Shares	5,600,000	5,600,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Close Price	11,800	11,800	-
5. Giá trị tài sản ròng/ Net Asset Value:			
của quỹ ETF/of the Fund	67,340,018,542	65,732,958,574	1,607,059,968
của một lô ETF/per Creation Unit	1,202,500,331	1,173,802,831	28,697,500
của một chứng chỉ quỹ/per Share	12,025.00	11,738.02	286.98
6. Chỉ số tham chiếu/ Benchmark Index	2,691.29	2,700.33	-9.04

(**) *Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 11/01/2026/Item 5 is net asset value calculated as at January 11, 2026*

P. 28 - C. I.
 HỢP TÁC
 CÔNG TÁC
 CỔ PHẦN
 QUẢN LÝ QUỸ
 VIỆT CẬP
 P. VĂN MIẾU - QUỐC TỬ GIÁM
 HỒN